

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019 DS-PT
Ngày 28 - 3 - 2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các thẩm phán:

Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Vũ Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Việt Thắng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Bích Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/TLPT- DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 986/2019/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị C; nơi cư trú: Tổ 02, khu H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

2. Bà Phạm Thị C; nơi cư trú: Tổ 3, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N; nơi cư trú: Tổ 01, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 22/6/2017 và ngày 10/7/2017 của nguyên đơn bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị C), có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị C; nơi cư trú: Tổ 02, khu H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn Đ; nơi cư trú: Tổ 02, khu H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 06/4/2018 của bị đơn bà Phạm Thị C), có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị H; nơi cư trú: Số nhà 2/10 ngõ 179, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Anh Trần Văn Đ và vợ là chị Đặng Thị Nt; nơi cư trú: Tổ 02, khu H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người kháng cáo là anh Trần Văn Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H thống nhất nhất trình bày:

Cụ Bùi Thị L và cụ Phạm Văn N sinh được 05 người con là: Bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H, ông Phạm Tiến P (là liệt sỹ chống Mỹ, khi chết chưa có vợ con). Cụ Phạm Văn N là liệt sỹ chống Pháp. Bốn chị em là bà C, C, C, H đều đi lấy chồng và sinh sống ở nơi khác, một mình cụ L sinh sống ở khu đất giáp nhà máy nước Sông He. Do điều kiện ăn ở chật chội nên năm 1986 UBND xã H đã cấp cho cụ Bùi Thị L 01 thửa đất có diện tích 533m² ở gần Hợp tác xã H (nay là tổ 2 H, phường H, quận D, thành phố Hải phòng) trên đất có xây cho cụ 01 ngôi nhà tình nghĩa (đã phá năm 2009).

Nguyên đơn trình bày: Bà C bỏ chồng về ở cùng với cụ L ở tại khu đất giáp nhà máy nước Sông He và khi cụ L được cấp diện tích đất mới ở H cụ L đã cho bà C nhà và đất cũ nhưng bà C bán nhà đất cụ L cho. Năm 1987 bà C mang con về ở cùng với cụ L tại diện tích 533m² tại phường H, sau này anh Đ là con bà C lấy vợ, bà C đã xây 01 ngôi nhà trên đất của cụ L để ở. Năm 2003 cụ L lập di chúc với nội dung: “Tài sản đất và trên đất chia đều cho 04 người con”. Khi lập di chúc có ông Phạm Văn G, Trịnh Khắc G, Lương Trác P là cán bộ của UBND xã H chứng kiến. Năm 2004 cụ L mất, bà C quản lý toàn bộ diện tích đất trên cho đến nay. Năm 2005 bà C, bà C yêu cầu chia di sản của cụ L theo di chúc nhưng bà C không đồng ý.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị chia di sản là diện tích 594m² đất (số đo hiện trạng) thửa 371, tờ bản đồ số 01, tại tổ 2, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Trong đó diện tích khoảng 216m² đất bà C cùng vợ chồng con trai là anh Đ đang sử dụng thì vẫn để bà C tiếp tục sử dụng, diện tích đất còn lại là hơn 300m² sẽ chia đều cho 03 người con là bà C, bà C, bà H.

Bị đơn bà Phạm Thị C: Đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về cách chia mỗi người 100m² tổng cộng là 300m², số còn lại bà C được quyền sử dụng. Về nguồn gốc đất bà C yêu cầu Tòa án thu thập tại chính quyền địa phương. Nhưng sau khi bà C ủy quyền cho anh Trần Văn Đ, anh Đ khai: Anh Đ cùng bà C sống cùng cụ L từ khi anh Đ còn nhỏ, năm 1986 cụ L được Nhà nước cấp cho diện tích hơn 360m². Cùng năm 1986 bà C và anh Đ cũng được nhà nước cấp cho diện tích 270m². Năm 1992 vợ chồng anh đã xây 01 ngôi nhà trên diện tích đất được cấp, năm 1997 vợ chồng anh xây lại nhà mới như hiện nay. Diện tích đất này hàng năm anh Đ vẫn nộp thuế đất đầy đủ. Diện tích đất của cụ L là 360m² nên chia đều cho 04 người con của cụ L. Còn diện tích 270m² là tài sản riêng của bà C và anh Đ nên không đồng ý chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Quan điểm của bà Phạm Thị H: Phần diện tích đất bà C đang ở cùng anh Đ, tiếp tục để bà C và anh Đ sử dụng. Diện tích đất còn lại một phần để xây nhà thờ, một phần là của bà, phần còn lại là của bà C, bà C.

+ Quan điểm của chị Đặng Thị N khai thống nhất quan điểm của anh Trần Văn Đ.

Tại Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của TAND quận D, thành phố Hải Phòng đã căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147, 163, 164, Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 656, Điều 657, Điều 659 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

Xử:

Tuyên bố di chúc ngày 17/01/2003 của cụ Bùi Thị L không hợp pháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế là quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị C, Phạm Thị C đối với quyền sử dụng đất của cụ Bùi Thị L. Xác định diện tích 594m² đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ Bùi Thị L để chia theo pháp luật cho bà Phạm Thị C, Phạm Thị C, Phạm Thị C, Phạm Thị H.

Tạm giao cho bà Phạm Thị C quản lý diện tích đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là 110m² được xác định bởi mốc giới A,B,C,D (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Tạm giao cho bà Phạm Thị C quản lý diện tích đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là 110m² được xác định bởi mốc giới C,D, E, F (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Tạm giao cho bà Phạm Thị H quản lý diện tích đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là 110m² được xác định bởi mốc giới E, F, G, H (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Tạm giao cho bà Phạm Thị C quản lý diện tích đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là 264m² được xác định bởi mốc giới G, H, I, K (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngày 07/12/2019 anh Trần Văn Đ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị L và cụ Phạm Văn N để lại là diện tích 330m² nhưng bản án sơ thẩm không chia cho bị đơn bà Phạm Thị C là không đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và đưa ra căn cứ: Lãnh đạo chính quyền địa phương cũ đã xác nhận diện tích 270m² đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố

Hải Phòng do UBND xã H đã cấp cho bà C.Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của VKSND thành phố Hải Phòng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Đ, giữ nguyên phần chia thừa kế theo pháp luật, sửa cách phân tuyên trong bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp thừa kế tài sản. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Thời điểm mở thừa kế: Cụ Bùi Thị L chết ngày 04/01/2005 theo quy định Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn Đ đề nghị chia thừa kế của ông bà để lại là diện tích 330m² chia đều cho 4 người con của cụ là bà C, bà C, bà H và bà C, vì cụ Bùi Thị L chỉ để lại 330m²; Còn diện tích đất 270m² hiện nay vợ chồng anh đang ở cùng bà C là diện tích đất bà C được cấp từ năm 1986, bà C và anh Đ đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ đối với nhà nước, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[4] Xác định di sản:

Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp: Theo lời khai của nguyên đơn là bà C, bà C phù với lời khai của bị đơn là bà C, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H; lời khai của những người làm chứng thể hiện: Diện tích 594m² đất (trên có một ngôi nhà tình nghĩa đã bị phá từ năm 2009) thuộc tổ 2 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng hiện nay vợ chồng anh Đ và bà C đang quản lý sử dụng là do năm 1986 UBND xã H đã cấp cho cụ Bùi Thị L vì cụ L là vợ liệt sỹ chống pháp và con là liệt sỹ chống Mỹ. Như vậy mặc dù các cơ quan quản lý nhà nước không bàn giao và không còn lưu giữ các giấy tờ liên quan đến việc cấp đất song đều khẳng định cụ Bùi Thị L là đối tượng chính sách được Đảng và Nhà nước quan tâm xây nhà tình nghĩa từ năm 1986 trên diện tích có nguồn gốc là đất sân kho hợp tác xã cũ thuộc thửa 371 tờ bản đồ số 01 tổ 2 phường H, đã phù hợp với sự thống nhất

trong lời khai của các đương sự và phù hợp với thực tế sử dụng đất của cụ L. Do vậy xác định diện tích 594m² đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Bùi Thị L.

[8] Xét Đơn xin thừa kế nhà ở ngày 09/9/1995 do bà Phạm Thị H, anh Trần Văn Đ cung cấp, nội dung: Cụ Bùi Thị L có nguyện vọng để lại toàn bộ diện tích đất cho 2 người con gái bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị H. Phía sau có xác nhận của UBND xã H: Bà Bùi Thị L thường trú tại thôn H là mẹ liệt sĩ có thổ cư 533m² sổ thừa bản đồ nay chia cho 2 người con gái. Theo xác minh đơn xin thừa kế nhà ở này mục đích là cụ L xin thêm đất ở, cụ L chưa chia cho con nào. Mặt khác đơn xin thừa kế đất ở là bản foto không có bản gốc do vậy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định không có giá trị chứng minh là có cơ sở.

[9] Xét bản di chúc ngày 17/01/2003 do nguyên đơn cung cấp có nội dung: Nguyên vọng của cụ Bùi Thị L sau khi chết là đất và tài sản trên đất của cụ được chia đều cho 04 người con là Phạm Thị C, Phạm Thị C, Phạm Thị C, Phạm Thị H. Về hình thức bản di chúc ngày 17/01/2003 là di chúc bằng văn bản có người làm chứng là ông Trịnh Khắc G, Lương Trác P, Phạm Văn G, Đỗ Thị H, theo quy định tại Điều 659 Bộ luật Dân sự 1995. Về nội dung di chúc thể hiện: Nguyên vọng của cụ sau khi chết tài sản là đất và tài sản trên đất chia cho 04 người con. Như vậy nội dung di chúc không rõ ràng, không thể hiện tài sản của cụ L là những tài sản gì, tài sản này hiện nay ở đâu trong khi đó các hàng thừa kế lại không giải thích và không nhất trí được nội dung di chúc, bà C đang cho rằng tài sản của cụ L chỉ có 330 m² đất. Do vậy di chúc ngày 17/01/2003 không hợp pháp theo quy định tại 652, 653, 667, 673 Bộ luật dân sự năm 2005. Nên di sản của cụ L được chia theo pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về người thừa kế theo pháp luật: Cụ Bùi Thị L và cụ Phạm Văn N có 5 người con, ông Phạm Tiến P (là liệt sỹ chống Mỹ, khi chết chưa có vợ con). Do vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm có 4 người con của cụ L, cụ N là: bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H, được hưởng phần di sản của cụ L theo kỹ phần bằng nhau.

[10] Phương pháp chia: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà C, bà C, bà H xác định khi cụ L còn sống bà C ở cùng cụ L có công chăm sóc cụ khi ốm đau và quản lý di sản nhưng không xác định được công quản lý duy trì khối di sản và chăm sóc cụ L nên các bà C, C, H thống nhất tính công sức cho bà C tương đương với 154m² đất phía trên có phần nhà vợ chồng anh Đ xây dựng. Hai vợ chồng anh Đ tự xây nhà và ở cùng với bà C, anh Đ và chị N trình bày không đề nghị gì đối với tài sản trên, nếu tài sản trên giao cho bà C anh chị không có ý kiến gì. Xét thấy các đề nghị này của bà C, bà C, bà H, anh Đ, chị N là tự nguyện không vi phạm đạo đức, phù hợp với Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần chấp nhận. Như vậy khối di sản của cụ L còn lại sau khi trừ đi công quản lý duy trì khối di sản và chăm sóc cụ L còn lại là 440m² được chia đều cho bà C, C, C, H mỗi người 110m² đất. Như vậy Bản án

sơ thẩm quyết định và chia thừa kế là quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế thứ nhất trong đó có bà C theo quy định của pháp luật và đã xem xét việc bà C đã có công sức chăm sóc cụ L và tôn tạo giữ gìn đất là phù hợp pháp luật.

[11] Anh Trần Văn Đ cho rằng năm 1986 cụ Bùi Thị L được cấp 330 m² đất còn anh và mẹ anh bà C đã được nhà nước cấp 270 m² đất thuộc tổ 2 phường H, quận D anh là người đóng thuế đất hàng năm và ông Đặng Văn Đ, ông Nguyễn Đình C, ông Đặng Đình H xác nhận vào đơn trình bày của bà C là đúng. Quá tình quản lý sử dụng đất anh và bà C vẫn giữ nguyên diện tích hiện trạng 594 m² đất không mua thêm và không chuyển nhượng cho ai. Hội đồng xét xử xét thấy người sử dụng đất phải có nghĩa vụ đóng thuế đất hàng năm cho nhà nước; Theo Công văn số 1975 /UBND-TNMT ngày 19/9/2018 của UBND quận D đã kiểm tra rà soát hồ sơ tài liệu liên quan đến thủ tục giao đất xác định không ban hành quyết định giao đất cho bà Phạm Thị C (con gái của cụ Bùi Thị L) tại vị trí thửa 3711, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân số 02 phường H. Ngoài lời khai của anh Đ không còn chứng cứ nào khác, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ cho rằng diện tích 267m² là quyền sử dụng của bà Phạm Thị C và anh Trần Văn Đ.

[12]Song về cách tuyên: Theo Công văn số 1975/UBND-TNMT ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân quận D cũng xác định: Trường hợp thừa đất không còn tranh chấp, những người được thừa kế quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ sẽ được cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử cần sửa giao quyền sử dụng đất cho các hàng thừa kế để tiện cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[13]Về án phí phúc thẩm do sửa Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của TAND quận D, thành phố Hải Phòng nên anh Trần Văn Đ không phải nộp án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của TAND quận D, thành phố Hải Phòng không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Đạt, sửa Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của TAND quận D, thành phố Hải Phòng về cách tuyên.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; , Điều 147, Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; 652, 653, 667, 673 Bộ luật

Dân sự năm 2005. Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013;

Xử:

1. Tuyên bố di chúc ngày 17/01/2003 của cụ Bùi Thị L không hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế là quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị C, Phạm Thị C đối với quyền sử dụng đất của cụ Bùi Thị L. Xác định diện tích 594m² đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ Bùi Thị L để chia theo pháp luật cho bà Phạm Thị C, Phạm Thị C, Phạm Thị C, Phạm Thị H.

Giao cho bà Phạm Thị C quản lý sử dụng diện tích 110m² đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được xác định bởi mốc giới A,B,C,D (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Giao cho bà Phạm Thị C quản lý sử dụng 110m² đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được xác định bởi mốc giới C,D, E, F (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Giao cho bà Phạm Thị H quản lý sử dụng diện tích 110m² đất tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được xác định bởi mốc giới E, F, G, H (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Giao cho bà Phạm Thị C quản lý sử dụng diện tích 264m² đất, trên có vật kiến trúc là nhà, tại thửa số 371, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố số 02 phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được xác định bởi mốc giới G, H, I, K (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm : Trả lại cho bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị C số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận D theo biên lai số 0014029 và 0014030 ngày 09/11/2017.

- Án phí phúc thẩm: Trả lại anh Trần Văn Đ số tiền 300.000đ đã nộp tại C cục thi hành án dân sự quận D theo biên lai số 0014118 ngày 18 tháng 12 năm 2019.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy